HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ VĨNH LINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/NQ-HĐND	*Vĩnh Linh, ngày 24 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH LINH
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa sản xuất; Phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Nghị quyết số 03-NQ/ĐU ngày 06/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 1645/TTr-UBND ngày 22/7/2026 của UBND xã về việc thông qua Đề án Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 với nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn, hiện đại; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương; phát triển mạnh nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; tăng giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích; nâng cao thu nhập, đời sống của người dân; góp phần xây dựng xã Vĩnh Linh đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2026 - 2030, hướng đến xây dựng xã nông thôn mới hiện đại.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Về tích tụ, tập trung đất nông nghiệp

- Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp mỗi năm tăng thêm 30 - 40 ha; đến cuối năm 2030 đạt trên 300 ha[1].

- Đến năm 2030 hình thành ít nhất: 02 vùng sản xuất lúa tập trung quy mô từ 20 ha trở lên; 02 vùng sản xuất rau an toàn, hữu cơ quy mô từ 02 ha trở lên; 01 vùng chăn nuôi an toàn sinh học tập trung.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất theo hình thức liên kết đạt trên 30% diện tích sản xuất nông nghiệp.

2. Về trồng trọt

- Duy trì ổn định diện tích 1.682,6 ha lúa 2 vụ.

- Phát triển vùng lúa chất lượng cao đạt từ 500 ha trở lên.

- Mở rộng diện tích lúa hữu cơ và theo hướng hữu cơ đạt từ 100 ha trở lên.

- Duy trì ổn định diện tích cây cao su 416,8 ha, diện tích hồ tiêu 118,1 ha.

3. Về chăn nuôi

- Tổng đàn trâu bò đạt 2.000 - 2.200 con; đàn lợn đạt 33.000 - 38.000 con; đàn gia cầm đạt 200.000 - 250.000 con.

- 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn áp dụng quy trình an toàn sinh học.

- 100% chất thải chăn nuôi được thu gom, xử lý theo quy định.

---

[1] Các giai đoạn trước đã tích tụ, tập trung được 116 ha gồm: HTX NN Thượng Hòa 30ha; HTX DVNN Sa Trung 25 ha; HTX DVNN Phúc Lâm 61 ha; giai đoạn 2026 - 2030 đăng ký 385 ha, gồm: HTX NN Thượng Hòa 120 ha; HTX DVNN Sa Trung 175 ha; HTX NN Nam Hồ 20ha; HTX DVNN Gia Lâm 70 ha.

4. Về lâm nghiệp

- Giữ vững độ che phủ rừng đạt trên 35,74%.

- Trồng mới từ 200 - 250 ha rừng tập trung mỗi năm.

5. Về thủy sản

- Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản từ 145 - 150 ha.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đạt từ 350 - 400 tấn/năm.

- Hình thành ít nhất 01 mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

6. Về nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ

- Phấn đấu 100 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ có sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ hoặc tương đương.

- 100% đơn vị tham gia chuỗi liên kết có truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm chủ lực.

- Ít nhất 70% hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất.

- Đến năm 2030 có 07 - 09 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

7. Về thu nhập, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững

- Thu nhập bình quân khu vực nông thôn tăng tối thiểu 1,5 lần so với năm 2025.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1%.

- Hoàn thành 10/10 tiêu chí nông thôn mới, xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2026 - 2027; tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí theo hướng bền vững, từng bước xây dựng xã nông thôn mới hiện đại sau năm 2030.

- Có từ 90% số thôn trở lên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; hoàn thành chỉ tiêu mô hình thôn thông minh theo Bộ tiêu chí nông thôn mới 2026 - 2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và của xã về phát triển nông nghiệp, nông thôn; phổ biến các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tích tụ đất đai, phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Tuyên truyền sâu rộng các mô hình sản xuất hiệu quả trong và ngoài địa phương; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình cánh đồng lớn, sản xuất hữu cơ, chăn nuôi an toàn sinh học, kinh tế tuần hoàn, kinh tế trang trại, hợp tác xã kiểu mới.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, các tổ chức chính trị - xã hội và hệ thống truyền thanh cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia tích tụ đất đai, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

Biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

2. Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung

- Tổ chức rà soát hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn toàn xã; xây dựng cơ sở dữ liệu đất sản xuất nông nghiệp, xác định cụ thể từng vùng có khả năng tích tụ, tập trung đất đai.

- Hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện các phương án: Dồn điền đổi thửa; cho thuê quyền sử dụng đất; góp quyền sử dụng đất vào hợp tác xã; liên kết sản xuất giữa hộ dân và doanh nghiệp; chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; cải tạo ruộng sau dồn điền đổi thửa.

- Tập trung ưu tiên các khu vực có điều kiện thuận lợi về giao thông nội đồng, thủy lợi, khả năng cơ giới hóa và liên kết sản xuất như Thượng Hòa, Sa Trung, Gia Lâm, Nam Hồ.

- Hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng Đề án tích tụ đất đai cụ thể đối với từng vùng sản xuất; từng bước hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến và tiêu thụ.

- Vận động các hộ không còn nhu cầu sản xuất cho thuê đất hoặc góp đất để phát triển sản xuất tập trung.

- Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ giao thông nội đồng, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất tại các vùng tích tụ đất đai.

3. Phát triển trồng trọt theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ

3.1. Đối với sản xuất lúa

- Tiếp tục duy trì diện tích lúa ổn định 1.682,6 ha/năm; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.

- Phát triển vùng lúa chất lượng cao; mở rộng diện tích liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm.

- Tiếp tục mở rộng mô hình lúa hữu cơ, lúa theo hướng hữu cơ tại Hợp tác xã Thượng Hòa, Sa Trung, Nam Hồ và các địa phương có điều kiện phù hợp.

- Ứng dụng đồng bộ cơ giới hóa trong các khâu làm đất, gieo sạ, chăm sóc, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy bay không người lái và thu hoạch.

- Khuyến khích áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến như: 1 phải 5 giảm; 3 giảm 3 tăng; quản lý dịch hại tổng hợp (IPM); tưới tiết kiệm; giảm phát thải khí nhà kính.

- Xây dựng mã số vùng trồng, hệ thống truy xuất nguồn gốc, nhãn hiệu tập thể đối với sản phẩm lúa chất lượng cao và lúa hữu cơ.

3.2. Đối với cây cao su

- Ổn định diện tích khoảng 416,8 ha. Thực hiện tái canh các diện tích già cỗi, kém hiệu quả; áp dụng quy trình chăm sóc tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng mủ.

- Khuyến khích các hình thức liên kết với doanh nghiệp chế biến nhằm ổn định đầu ra sản phẩm.

3.3. Đối với cây hồ tiêu

- Duy trì diện tích khoảng 118,1 ha. Tập trung phục hồi các diện tích tiêu suy giảm năng suất; ứng dụng kỹ thuật canh tác hữu cơ, sinh học; sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm vi sinh.

- Xây dựng vùng sản xuất hồ tiêu an toàn, tiến tới chứng nhận VietGAP và hữu cơ.

3.4. Đối với cây trồng khác

- Khuyến khích chuyển đổi các diện tích đất sản xuất kém hiệu quả sang cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Phát triển các vùng rau an toàn, cây ăn quả, cây dược liệu, cây thực phẩm phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng từng địa bàn.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tiết kiệm, sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

4. Phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, tuần hoàn, thân thiện môi trường

- Ổn định và phát triển tổng đàn vật nuôi. Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư; áp dụng quy trình an toàn sinh học.

- Tăng cường quản lý giống vật nuôi; phát triển đàn bò chất lượng cao, đàn lợn hướng nạc, gia cầm chất lượng.

- Thực hiện tốt công tác tiêm phòng, giám sát dịch bệnh, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ phí kiểm soát giết mổ (trong 12 tháng đầu kể từ khi đi vào hoạt động) cho chủ cơ sở giết mổ tập trung xây mới đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

- Đảm bảo 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn phải có hệ thống xử lý chất thải đạt quy định.

- Khuyến khích áp dụng mô hình: Hầm biogas; đệm lót sinh học; ủ phân hữu cơ; chăn nuôi tuần hoàn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chăn nuôi; thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi.

5. Phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao giá trị kinh tế rừng

- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng.

- Tiếp tục trồng mới từ 200 - 250 ha rừng tập trung hằng năm.

- Chuyển dần từ kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn.

- Phát triển rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC).

- Hỗ trợ một số hoạt động đầu tư trồng rừng gỗ lớn thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất trên địa bàn (về đối tượng, điều kiện, nguyên tắc, nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị).

- Khuyến khích liên kết giữa người trồng rừng với doanh nghiệp chế biến gỗ.

- Phát triển các mô hình kinh tế dưới tán rừng như: Trồng cây dược liệu; nuôi ong lấy mật; chăn nuôi dưới tán rừng; du lịch sinh thái cộng đồng.

- Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng; đầu tư trang thiết bị và xây dựng lực lượng bảo vệ rừng cơ sở.

6. Phát triển thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững

- Duy trì ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản từ 145 - 150 ha; sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đạt từ 350 - 400 tấn/năm.

- Tập trung cải tạo hệ thống ao hồ, vùng nuôi hiện có; đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình: Nuôi cá nước ngọt thâm canh; nuôi cá ứng dụng công nghệ cao; nuôi thủy sản kết hợp sinh thái; nuôi thủy sản tuần hoàn.

- Tăng cường quản lý môi trường vùng nuôi; kiểm soát dịch bệnh; hướng dẫn người dân áp dụng quy trình sản xuất an toàn.

- Khuyến khích, hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm đặc trưng.

7. Phát triển kinh tế hợp tác, liên kết chuỗi giá trị

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp hiện có.

- Phấn đấu đến năm 2030: Có từ 05 đến 07 hợp tác xã hoạt động hiệu quả; có ít nhất 05 hợp tác xã liên kết tiêu thụ sản phẩm ổn định; có ít nhất 02 hợp tác xã ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý sản xuất.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản trị cho cán bộ hợp tác xã.

- Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng và chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Khuyến khích doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết với hợp tác xã và người dân. Ưu tiên các chuỗi liên kết đối với: Lúa chất lượng cao; lúa hữu cơ; hồ tiêu; cao su; chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm; thủy sản; lâm sản.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm chủ lực.

8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ sử dụng máy bay không người lái trong sản xuất; hệ thống tưới tự động; công nghệ nhà màng, nhà lưới; thiết bị cảm biến môi trường; công nghệ sinh học.

- Tăng cường áp dụng phần mềm quản lý sản xuất, nhật ký điện tử, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp xã trên cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp tỉnh; cơ sở dữ liệu đất nông nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

- Triển khai hệ thống số hóa vùng sản xuất tập trung, vùng chăn nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích, hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ thể OCOP, hộ sản xuất tham gia các sàn thương mại điện tử.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp.

9. Phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững

- Phát triển nông nghiệp theo hướng xanh, sạch, bền vững; bảo vệ môi

trường; góp phần hoàn thiện và giữ vững các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Đẩy mạnh sử dụng phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học; giảm dần việc sử dụng hóa chất trong sản xuất.

- Xây dựng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, phối kết hợp với Công ty Cổ phần tập đoàn Quế Lâm để thực hiện các mô hình trên địa bàn; tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ và thức ăn chăn nuôi.

- Tăng cường thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật; chất thải chăn nuôi; phụ phẩm nông nghiệp; rác thải khu vực nông thôn.

- Triển khai các mô hình: Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; khu dân cư kiểu mẫu; vườn mẫu; mô hình sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển các sản phẩm OCOP gắn với phát triển kinh tế nông thôn; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm OCOP đã đăng ký mới giai đoạn 2026 - 2030 gồm: Bánh quy dứa, Gạo hữu cơ, Dầu lạc nguyên chất, Mật ong nguyên chất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

- Huy động và tranh thủ nguồn vốn từ Dự án "Cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển toàn diện cho các hộ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Quảng Trị" (gồm 29,5km kênh mương nội đồng, 20,8km đường nội đồng) để phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp phục vụ sản xuất, liên kết vùng, từng bước hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí về thủy lợi, giao thông nội đồng theo Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, sản xuất và dịch vụ nông thôn, thúc đẩy và tạo đột phá về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; tăng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, gắn hoạt động cho vay với hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, cá nhân, cộng đồng trên tinh thần tự nguyện.

IV. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 theo danh mục Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được duyệt và danh mục dự án các Chương trình mục tiêu quốc gia, các danh mục công trình, dự án khác trên địa bàn. Trong đó đảm bảo các nguyên tắc ưu tiên như sau:

- Việc lựa chọn chương trình, dự án phải bám sát quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết, đề án của cấp trên và địa phương.

Ưu tiên các nội dung góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

- Danh mục dự án phải căn cứ tình hình thực tế của địa phương, tập trung giải quyết những khó khăn, điểm nghẽn về phát triển nông nghiệp, các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới chưa đạt hoặc cần duy trì, nâng cao. Ưu tiên các công trình có nhu cầu cấp thiết, phục vụ trực tiếp việc sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, người dân, có tác động lan tỏa mạnh mẽ.

- Nguồn lực huy động cần tập trung cho các công trình, dự án quan trọng, tránh đầu tư dàn trải, manh mún. Việc xác định ưu tiên phải dựa trên mức độ tác động và khả năng tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển địa phương.

- Danh mục đưa vào phải phù hợp khả năng huy động vốn từ các cấp ngành, điều kiện cân đối của địa phương. Ưu tiên các dự án có cơ sở triển khai, có khả năng hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Việc lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên phải dựa trên tiêu chí rõ ràng, khách quan và công khai. Đồng thời bảo đảm sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát và lãng phí.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: 35.450 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ (bao gồm các chương trình MTQG): 18.525 triệu đồng.

- Ngân sách xã: 8.450 triệu đồng (nguồn kinh phí dựa trên Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được duyệt; nguồn tăng thu ngân sách xã hằng năm và các nguồn ngân sách khác).

- Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh: 4.675 triệu đồng.

- Nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác: 3.800 triệu đồng.

2. Cơ chế huy động

- Chủ động cập nhật các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh liên quan đến tích tụ, tập trung đất nông nghiệp và phát triển vùng nguyên liệu để khuyến khích, hỗ trợ thực hiện chủ trương tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu sản xuất đồng thời điều chỉnh giải pháp cụ thể về nguồn vốn trong từng năm, giai đoạn.

- Ưu tiên lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác để thực hiện Đề án.

- Khuyến khích xã hội hóa đầu tư; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người dân, hợp tác xã tiếp cận các nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND xã phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND xã Vĩnh Linh khoá II, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 24/7/2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- TT HĐND, Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các HTX NN và HTX DVNN trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Nhật Quang